

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 28/8/2023

“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU, TỈNH QUẢNG NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Năm

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lưu Xuân Giới

2. Ông Phạm Thị Biền

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Mạnh Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Triều tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Tập - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2023 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2023/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2023/QĐST-DS ngày 10/8/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị H; sinh năm 1975

Nơi thường trú: số nhà A, tổ B, khu V, phường M, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh; Có mặt tại phiên tòa;.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh S; sinh năm 1969

Nơi thường trú: số nhà A, tổ B, khu V, phường M, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:

Về tình trạng hôn nhân: Bà Trần Thị H và ông Nguyễn Thanh S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện Đông Triều (nay là phường M, thị xã Đông Triều) vào ngày 22/4/1996. Sau khi kết hôn vợ chồng bà H, ông S sống tại khu V, phường M, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình chung sống hạnh phúc bình thường. Mâu

thuần vợ chồng phát sinh từ năm 2018, vợ chồng thường xuyên mắng cãi nhau; hai bên bất đồng quan điểm về các vấn đề trong cuộc sống, không thông cảm, yêu thương nhau. Nguyên nhân do tính tình không hợp. Tuy đã được hai bên gia đình động viên hoà giải nhưng mâu thuẫn giữa bà H và ông S vẫn trầm trọng. Hai đương sự đã sống ly thân từ 2018 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay, bà H xác định không còn tình cảm với ông S, bà H yêu cầu Toà án giải quyết cho được ly hôn với anh Nguyễn Thanh S.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân bà H và ông S có hai con chung là Nguyễn Hoàng H, sinh 16/01/1997 và Nguyễn Hoàng Đ, sinh ngày 23/3/2003. Hiện các con chung đã thành niên.

Về tài sản chung và khoản nợ chung: Bà H xác định không có tài sản chung, không có nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, lời trình bày trong đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Thanh S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tình trạng hôn nhân như bà H trình bày, ông S cho rằng, sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc bình thường. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2018, vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp thường xuyên mắng cãi nhau và đã ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm chăm sóc đến ai. Nay ông S xác định mâu thuẫn giữa ông và bà H tuy đã được gia đình hòa giải nhưng không kết quả, bà H xin ly hôn, anh S đồng ý thuận tình ly hôn bà H.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân bà H và ông S có hai con chung là Nguyễn Hoàng H, sinh 16/01/1997 và Nguyễn Hoàng Đ, sinh ngày 23/3/2003. Hiện các con chung đã thành niên.

Về tài sản chung và khoản nợ chung: Ông S xác định không có tài sản chung, không có nợ chung nên ông S không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh và biên bản làm việc cùng ngày 15/3/2023, đại diện chính quyền địa phương, trưởng khu V, phường M xác nhận: Ông S, bà H là vợ chồng có đăng ký kết hôn và về chung sống tại khu V, phường M; trong quá trình chung sống giữa vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, hiện đã sống ly thân từ 2018, ông S và bà H tuy vẫn đăng ký thường trú tại khu V, phường M nhưng ông S thường đi làm ăn xa. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh bất đồng quan điểm và kinh tế khó khăn. Địa phương đề nghị Tòa án căn cứ hồ sơ và quy định của pháp luật để giải quyết vụ án theo nguyện vọng của nguyên đơn. Về nuôi con chung, ông S bà H có hai người con chung nhưng đều đã thành niên, về tài sản chung và công nợ chung của hai đương sự, địa phương không nắm được; đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết.

Các đương sự cùng có quan điểm thuận tình ly hôn nhưng anh S không tham gia các phiên hòa giải và phiên tòa; các bên không tự thỏa thuận được với nhau về giải quyết toàn bộ nội dung vụ án, nguyên đơn không rút yêu cầu nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Triều phát biểu quan điểm:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Đối với Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ khi tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn có trình bày quan điểm nhưng không tham gia hòa giải là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị H đối với ông Nguyễn Thanh S; bà Trần Thị H được ly hôn ông Nguyễn Thanh S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Triều, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện của bà Trần Thị H nộp tại Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều và Tòa án đã thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh S vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị H và ông Nguyễn Thanh S làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn M, huyện Đông Triều (nay là phường M, thị xã Đông Triều) năm 1996. Quan hệ hôn nhân của hai đương sự là tự nguyện được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, bà H và ông S sống hạnh phúc bình thường. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2018; hai đương sự tranh cãi nhau; bất đồng quan điểm trong cuộc sống và đã ly thân từ 2018 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp.

Nay bà H xác định không còn tình cảm với Ông S và xin ly hôn ông S. Ông S cũng thừa nhận không còn tình cảm với bà H và thuận tình ly hôn bà H. Qua nội dung vụ án được tóm tắt như trên, có cơ sở đánh giá mâu thuẫn giữa bà H và ông S đã trầm trọng kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hội

đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H đối với ông S là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân bà H và ông S có hai con chung là Nguyễn Hoàng Hải, sinh 16/01/1997 và Nguyễn Hoàng Đăng, sinh ngày 23/3/2003. Hiện các con chung đều đã thành niên nên Hội đồng xét xử không giải quyết về việc nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản và khoản nợ chung: bà H và ông S cùng xác định không có tài sản chung, không có khoản nợ chung, không yêu cầu tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí và quyền kháng cáo: Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Trần Thị H đối với ông Nguyễn Thanh S.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị H được ly hôn ông Nguyễn Thanh S.
2. Về án phí: Bà Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0009904 ngày 27/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.
5. Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thị H có mặt tại phiên tòa Có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; ông Nguyễn Thanh S vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
 - TAND tỉnh Quảng Ninh;
 - VKSND TX. Đông Triều;
 - Chi cục THADS TX. Đông Triều;
 - UBND phường M, TX. Đông Triều
- (Nơi đăng ký kết hôn);
- Lưu hồ sơ + VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Văn Năm

